

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-PT
Ngày 20 – 4 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 37/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện DL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2019/QĐ-PT ngày 25/12/2019; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 281/TB-TA ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đình L, sinh năm: 1983.

Chị Nguyễn Thị Lan Ph, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số x LTK, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn S, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số x PNL, tổ y, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2019).

- *Bị đơn:*

1/ Vợ chồng anh Khuất Duy Vũ H, sinh năm: 1984.

Chị Nguyễn Thị Mai Tr, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số x thôn ĐR, xã GR, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Bà Phạm Thị Tuyết Ng, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số x thôn ĐR, xã GR, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Lê Thanh D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số xA LS, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2019).

- *Người kháng cáo:* ông Đinh Văn S - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

(Ông S, chị Tr có mặt; ông D xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn vợ chồng anh Trần Đình L, Chị Nguyễn Thị Lan Ph cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn S thì:

Ngày 01/02/2019, vợ chồng anh L, chị Ph cho bà Ng và vợ chồng anh H, chị Tr vay 1.460.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, hạn trả vào ngày 01/4/2019. Việc vay nợ được chị Tr tự tay viết vào văn bản mẫu “Hợp đồng cho vay tiền” ghi ngày 01/02/2019, sau đó được bà Ng và vợ chồng anh H, chị Tr cùng ký, ghi họ tên và điểm chỉ. Sau khi ký, điểm chỉ bà Ng đã tự tay viết bên trên chữ ký nội dung: : “*Tôi và các con vay khoản tiền này*”. Nay yêu cầu bà Ng và vợ chồng anh H, chị Tr liên đới trả nợ gốc 1.460.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn theo mức 20%/năm từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/4/2019, nợ lãi quá hạn mức 30%/năm tính từ ngày 02/4/2019 đến ngày 17/10/2019 với tổng tiền lãi là 285.916.000 đồng.

Ngày 20/02/2019 vợ chồng anh L, chị Ph cho bà Ng và vợ chồng anh H, chị Tr vay thêm 2.000.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, hạn trả vào ngày 30/02/2019. Việc vay nợ được chị Tr tự tay viết vào văn bản mẫu “Hợp đồng cho vay tiền” ghi ngày 20/02/2019, sau đó được bà Ng và vợ chồng anh H, chị Tr cùng ký, ghi họ tên và điểm chỉ. Nay yêu cầu bà Ng và vợ chồng anh H, chị Tr liên đới trả nợ gốc 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn mức 20%/năm tính từ ngày 20/02/2019 đến ngày 28/02/2019, nợ lãi quá hạn mức 30%/năm tính từ 01/3/2019 đến 17/10/2019 với tổng tiền lãi là 433.888.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh gồm: Bản chính “Hợp đồng cho vay tiền” ghi ngày 01/02/2019; bản chính “Hợp đồng cho vay tiền” ghi ngày 20/02/2019.

Theo lời trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Tr thì:

Ngày 24/6/2018 vợ chồng chị Tr, anh H vay của vợ chồng anh L, chị Ph

1.100.000.000 đồng, ngày 01/02/2019 hai bên đối chiếu cùng xác định vợ chồng chị còn nợ gốc và lãi là 1.460.000.000 đồng. Vì vậy, vợ chồng chị viết và ký “Hợp đồng cho vay tiền” để vay của vợ chồng anh L, chị Ph 1.460.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, hạn trả vào ngày 01/4/2019. Ngày 20/02/2019 vợ chồng chị viết và ký “Hợp đồng cho vay tiền” vay thêm của anh L, chị Ph 2 tỷ đồng với lãi suất 6%/tháng, hạn trả vào ngày 30/02/2019. Chị Tr xác định mẹ chồng chị là bà Ng không vay và không sử dụng tiền vay, việc bà Ng ký tên và điểm chỉ trong 02 hợp đồng vay tiền là để chứng kiến theo yêu cầu của anh L, thời điểm bà Ng ký tên, điểm chỉ không có dòng chữ: “*Tôi và các con vay khoản tiền này*” ở bên trên chữ ký của bà Ng. Nay chị xác định bà Ng không vay nên không phải trả nợ, vợ chồng chị sẽ có trách nhiệm trả cho anh L, chị Ph khoản 1.100.000.000 đồng vay ngày 24/6/2018 và khoản 2 tỷ đồng vay ngày 20/02/2019 cùng tiền lãi mức 0,75%/tháng tính từ ngày vay đến nay.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị Tuyết Ng là ông Lê Thanh D thì:

Bà Ng biết các con của bà là vợ chồng anh H, chị Tr có vay của vợ chồng anh L, chị Ph 1.460.000.000 đồng vào ngày 01/4/2019 và 02 tỷ đồng vào ngày 20/02/2019 là đúng. Việc bà Ng ký tên, điểm chỉ trong hai văn bản “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 01/02/2019 và ngày 20/02/2019 là do anh L yêu cầu ký chứng kiến. Khi bà Ng ký, điểm chỉ không có nội dung: “*Tôi và các con vay khoản tiền này*” ở bên trên chữ ký của bà Ng, bà Ng cũng không viết thêm nội dung này như lời khai của nguyên đơn. Thực tế bà Ng không vay và không sử dụng số tiền anh H, chị Tr đã vay của anh L, chị Ph nên bà Ng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, chị Ph.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 37/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện DL. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph đối với bà Phạm Thị Tuyết Ng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph đối với anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr. Buộc anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr trả cho anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph 4.134.353.000 đồng.

3. Không chấp nhận việc anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph yêu cầu anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr trả 45.451.000 đồng nợ lãi.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 17/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph là ông Đinh Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 37/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện DL theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph là ông Đinh Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Tr không chấp nhận kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph là ông Đinh Văn S, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 37/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện DL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Xuất phát việc nguyên đơn vợ chồng anh L, chị Ph cho rằng ngày 01/02/2019 có cho bị đơn vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng vay số tiền 1.460.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 01/4/2019. Ngày 20/02/2019, tiếp tục cho vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng vay thêm số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 30/02/2019. Do đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng không trả nên vợ chồng anh chị yêu cầu vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng liên đới trả số tiền nợ gốc cũng như lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vợ chồng anh H, chị Tr không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng anh L, chị Ph và cho rằng ngày 24/6/2018 chỉ có vay của vợ chồng anh L, chị Ph số tiền 1.100.000.000 đồng, đến ngày 01/02/2019 hai bên đối chiếu nợ thì vợ chồng anh L, chị Ph cộng cả gốc và lãi thành số tiền 1.460.000.000 đồng. Ngày 20/02/2019, vợ chồng anh chị tiếp tục vay thêm số tiền 2.000.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh chị chỉ đồng ý trả cho vợ chồng anh L, chị Ph số tiền 1.100.000.000 đồng vay ngày 24/6/2018 và số tiền 2.000.000.000 đồng vay ngày 20/02/2019 cùng với lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày vay và việc vay mượn trên không liên quan gì đến bà Ng, bà Ng ký vào các hợp đồng cho vay tiền chỉ với mục đích là để làm chứng.

Bị đơn bà Ng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh L, chị Ph và cho rằng bà không có vay các khoản tiền trên của vợ chồng anh L, chị Ph, bà ký vào các hợp đồng cho vay tiền chỉ là để làm chứng việc vay mượn tiền giữa vợ chồng anh L, chị Ph với vợ chồng anh H, chị Tr nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph là ông Đinh Văn S thì thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là “*Hợp đồng cho vay tiền*” đề ngày 01/02/2019 (BL 27) và “*Hợp đồng cho vay tiền*” đề ngày 20/02/2019 (BL 28), các hợp đồng cho vay tiền trên đều được soạn mẫu sẵn và vị trí bên cho vay tiền cũng như vị trí bên vay tiền có khoảng cách chỉ đủ để ghi tên của 02 người và tại phần cuối của các hợp đồng cho vay tiền trên đều có nội dung: “*Bên cho vay tiền (ký và ghi rõ họ tên); Bên vay tiền (ký và ghi rõ họ tên); người làm chứng*”.

Vì vậy, tại vị trí bên cho vay tiền thể hiện là vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph và bên vay tiền chỉ thể hiện là vợ chồng anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr nhưng tại phần cuối của các hợp đồng cho vay tiền thì bà Phạm Thị Tuyết Ng lại ký và điểm chỉ để xác nhận việc vay tiền vào bên vay tiền mà không ký và xác nhận thông tin vào phần người làm chứng.

Như vậy, với việc vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng cho rằng quan hệ vay mượn tiền trên là giữa vợ chồng anh H, chị Tr với vợ chồng anh L, chị Ph chứ không liên quan gì đến bà Ng, bà Ng ký và điểm chỉ vào các hợp đồng cho vay tiền trên chỉ với mục đích là người làm chứng là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ do vợ chồng anh L, chị Ph giao nộp được vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng xác nhận vào bên cho vay tiền và vợ chồng anh L, chị Ph cũng như người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng anh L, chị Ph là ông Đinh Văn S không thừa nhận bà Ng ký, điểm chỉ với mục đích là để làm chứng.

Đối với chữ viết phía trên chữ ký, điểm chỉ của bà Ng có nội dung: “*Tôi và các con vay khoản tiền này*” thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng anh H, chị Tr cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà Ng là ông Lê Thanh D đều khẳng định những chữ này không phải do bà Ng viết và không có tại thời điểm bà Ng ký tên, điểm chỉ vào các hợp đồng. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng anh L, chị Ph là ông S thừa nhận chữ viết có nội dung “*Tôi và các con vay khoản tiền này*” là do vợ chồng anh L viết và bà Ng ký nhận và bản thân chị Tr cũng thừa nhận khi vay tiền thì có mặt bà Ng, việc bà Ng ký vào các hợp đồng cho vay tiền trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, ép buộc, còn đối với số tiền trên thì vợ chồng tôi là người sử dụng.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ là 02 hợp đồng cho vay tiền trên để buộc vợ chồng chị Tr, anh H và bà Ng có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số nợ vay cho vợ chồng anh L, chị Ph là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với việc chị Tr cho rằng khoản vay 1.460.000.000 đồng ghi trong hợp đồng ngày 01/02/2019 là do gốc, lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng vay ngày 24/6/2018 nhưng chị Tr, anh H lại không có chứng cứ chứng minh. Trong khi đó vợ chồng anh L, chị Ph cũng như người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng anh L, chị Ph là ông Đinh Văn S không thừa nhận.

Do đó, căn cứ vào “*Hợp đồng cho vay tiền*” đề ngày 01/02/2019 để xác định vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng vay của vợ chồng anh L, chị Ph số tiền 1.460.000.000 đồng vào ngày 01/02/2019 với mức lãi suất 6%/tháng, hạn trả là ngày 01/4/2019 để buộc vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng có trách nhiệm liên đới

trả cho vợ chồng anh L, chị Ph nợ gốc 1.460.000.000 đồng cùng nợ lãi trong hạn theo mức 20%/năm từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/4/2019 là 48.666.000 đồng, nợ lãi quá hạn mức 30%/năm tính từ ngày 02/4/2019 đến ngày 17/10/2019 là 238.466.000 đồng là có căn cứ.

[4] Căn cứ vào “*Hợp đồng cho vay tiền*” đề ngày 01/02/2019 để xác định vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng vay của vợ chồng anh L, chị Ph số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 20/02/2019 với mức lãi suất 6%/tháng, hạn trả ngày 30/02/2019 (*Tháng 02/2019 chỉ có 28 ngày*) để buộc vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh L, chị Ph số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng cùng nợ lãi trong hạn mức 20%/năm tính từ ngày 20/02/2019 đến ngày 28/02/2019 là 8.888.000 đồng, nợ lãi quá hạn mức 30%/năm tính từ 01/3/2019 đến 17/10/2019 là 378.333.000 đồng là có căn cứ.

Tổng cộng vợ chồng anh H, chị Ph và bà Ng có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh L, chị Ph tổng số tiền là 4.134.353.000 đồng (trong đó nợ gốc là 3.460.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17/10/2019 là 674.353.000 đồng).

Do vợ chồng anh L, chị Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng có trách nhiệm liên đới trả lãi với số tiền 719.804.000 đồng nhưng chỉ được chấp nhận là 674.353.000 đồng. Như vậy, cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh L, chị Ph đối với số tiền lãi 45.451.000 đồng (719.804.000 đồng - 674.353.000 đồng) là có căn cứ.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph là ông Đình Văn S để sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

[5] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Buộc vợ chồng anh H, chị Tr và bà Ng phải chịu 112.134.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho vợ chồng anh L, chị Ph (4.134.353.000 đồng = 112.000.000 đồng + 0,1% vượt quá 4.000.000.000 đồng).

Buộc vợ chồng anh L, chị Ph phải chịu 2.272.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ lãi không được chấp nhận (45.451.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph là ông Đinh Văn S. Xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph với bị đơn vợ chồng anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr, bà Phạm Thị Tuyết Ng.

1.1- Buộc vợ chồng anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr, bà Phạm Thị Tuyết Ng có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph tổng số tiền 4.134.353.000 đồng (trong đó nợ gốc là 3.460.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17/10/2019 là 674.353.000 đồng).

1.2- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph về việc yêu cầu vợ chồng anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr, bà Phạm Thị Tuyết Ng thanh toán số tiền lãi 45.451.000 đồng.

- Lãi suất chậm thi hành án:

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

2- Về án phí sơ thẩm:

2.1- Buộc vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph phải chịu 2.272.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 50.990.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009423 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DL. Hoàn trả cho vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph số tiền 48.718.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn thừa.

2.2- Buộc vợ chồng anh Khuất Duy Vũ H, chị Nguyễn Thị Mai Tr, bà Phạm Thị Tuyết Ng phải chịu 112.134.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3- Về án phí phúc thẩm:

3.1- Hoàn trả cho vợ chồng anh Trần Đình L, chị Nguyễn Thị Lan Ph số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0014468 ngày 23/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DL (do ông Đinh Văn S nộp thay).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. DL;
- CCTHADS H. DL;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Mạnh Hùng